

Công khai CLGD 2022-2023

Viết bởi Quynh nhà trường

Thứ ba, 31 Tháng 10 2023 00:00 - Lần cập nhật cuối Thứ tư, 09 Tháng 4 2025 15:45

SỞ GD&ĐT QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT CHUYÊN
LÊ THÁNH TÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC THỰC TẾ NĂM HỌC TRƯỚC
CỦA THPT CHUYÊN LÊ THÁNH TÔNG
(NĂM HỌC 2022-2023)

STT	Loại lớp	Tổng số lớp	Chia ra					
			Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12	
			SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
1	TỔNG SỐ	24	8	33.33	8	33.33	8	33.33
1.1	Lớp có HS khuyết tật học hòa nhập							
1.2	Lớp học 2 buổi/ngày							
2	SỐ LỚP THEO HỆ CHUYÊN							
2.1	Chuyên Ngữ văn	3	1	33.33	1	33.33	1	33.33
2.2	Chuyên Sử, Địa	3	1	33.33	1	33.33	1	33.33
2.3	Chuyên Tiếng Anh	3	1	33.33	1	33.33	1	33.33
2.4	Chuyên Toán	3	1	33.33	1	33.33	1	33.33
2.5	Chuyên Vật lý	3	1	33.33	1	33.33	1	33.33
2.6	Chuyên Hóa học	3	1	33.33	1	33.33	1	33.33
2.7	Chuyên Sinh học	3	1	33.33	1	33.33	1	33.33
2.8	Chuyên Tin học	3	1	33.33	1	33.33	1	33.33

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông Theo thông tư 22

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	280	280		
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	100.00%	100.00%		
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	0.00%	0.00%		
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0.00%	0.00%		
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0.00%	0.00%		
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	280	280		
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	99.64%	99.64%	2/7	
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	0.36%	0.36%		

Công khai CLGD 2022-2023

Viết bởi Quản trị nhà trường

Thứ ba, 31 Tháng 10 2023 00:00 - Lần cập nhật cuối Thứ tư, 09 Tháng 4 2025 15:45

Công khai CLGD 2022-2023

Viết bởi Quynh Truong nhà trường
Thứ ba, 31 Tháng 10 2023 00:00 - Lần cập nhật cuối: Thứ tư, 09 Tháng 4 2025 15:45

4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0.00%	0.00%		
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	280	280		
1	Lên lớp(tỷ lệ so với tổng số)	100.00%	100.00%		
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với Tổng số)	55.36%	55.36%		
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với Tổng số)	44.29%	44.29%		
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%		
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%		
4	Chuyển trường đến / đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%		
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%		
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%		
IV	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi	135	135	0	0
1	Cấp tỉnh/ thành phố	135	135	0	0
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng				
VIII	Số học sinh nữ	167	167		
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	2	2		

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông Theo thông tư 58

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	547		274	273
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	99.82%		99.64%	100.00%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0.18%		0.36%	0.00%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%		0.00%	0.00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%		0.00%	0.00%
II	Số học sinh chia theo học lực	547		274	273
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	99.45%		100.00%	98.90%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0.55%		0.00%	1.10%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%		0.00%	0.00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%		0.00%	0.00%

Công khai CLGD 2022-2023

Viết bởi Quản trị nhà trường
Thứ ba, 31 Tháng 10 2023 00:00 - Lần cập nhật cuối Thứ tư, 09 Tháng 4 2025 15:45

Công khai CLGD 2022-2023

Viết bởi Quynh Truong

Thứ ba, 31 Tháng 10 2023 00:00 - Lần cập nhật cuối: Thứ tư, 09 Tháng 4 2025 15:45

a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	99.27%		99.64%	98.90%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	0.73%		0.36%	1.10%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%		0.00%	0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%		0.00%	0.00%
4	Chuyển trường đến / đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%		0.00%	0.00%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%		0.00%	0.00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%		0.00%	0.00%
IV	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi	267		201	66
1	Cấp tỉnh	267		201	66
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0		0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	273		0	273
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	273		0	273
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	273			273
VIII	Số học sinh nữ	316		153	163
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	3		0	3

Hội An, ngày 30 tháng 10 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

**Lê Thành Vinh**

Công khai CLGD 2022-2023

Viết bởi Quản trị nhà trường

Thứ ba, 31 Tháng 10 2023 00:00 - Lần cập nhật cuối Thứ tư, 09 Tháng 4 2025 15:45
